

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 6-CẦN THƠ  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Hoàng Diệt.

Ông Đặng Duy Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K; sinh ngày: 01/01/1995; CCCD: 094195013625.

Địa chỉ: Số 308, ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đặng Văn C; sinh ngày: 12/4/1991; CCCD: 094091012103.

Địa chỉ: ấp P, xã M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn C có tổ chức tiệc cưới vào đầu năm 2022 và đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, thành phố Cần Thơ), chị K và anh C tìm hiểu nhau một

thời gian thì đi đến kết hôn. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng đều không được và mâu thuẫn cứ tiếp tục xảy ra. Chị Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đặng Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Đặng Văn C:* Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K tại Thông báo thụ lý vụ án số: 73/TB-TLVA, ngày 08 tháng 4 năm 2025 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Đặng Văn C, cũng như đã triệu tập hợp lệ anh Đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh Chưa đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Nhưng anh Chưa gửi văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị Nguyễn Thị K.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ trình bày ý kiến như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị K vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt), bị đơn anh Đặng Văn C vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, căn cứ vào điểm khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ) nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn chị Nguyễn Thị K nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị K và bị đơn anh Đặng Văn C; có địa chỉ tại ấp Phước Trường B, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Phước Trường B, xã Mỹ Phước, thành phố Cần Thơ). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng, xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ) thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh C xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đủ điều kiện kết hôn. Do đó việc chị K và anh C tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn đúng theo đúng quy định pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo chị K trình bày do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi vã, khi xảy ra mâu thuẫn chị K và anh C đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị K và anh C không còn chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị đều có công việc riêng và có cuộc sống riêng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị K vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Đặng Văn C.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Đối chiếu với quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh C thì hiện nay, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, khi sống ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng thực trạng mâu

thuần giữa chị K và anh C đã đến mức trầm trọng, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K.

[5] Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị K tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Phòng THADS khu vực 6, THADS thành phố Cần Thơ) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007755 ngày 08 tháng 4 năm 2025, chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6-Cần Thơ;
- Phòng THAKV6, THADS TPCT;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Phước, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Hồng**









